

Đồng Nai, ngày tháng năm

Số:

BÁO CÁO

CÔNG TÁC CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
(Thời điểm báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử).

Địa chỉ: số 2521 Nguyễn Ái Quốc, khu phố Bửu Hoà 3, Phường Biên Hoà, Thành phố Đồng Nai;

Địa chỉ thư điện tử: ndtkt@dongnai.edu.vn;

Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): <http://ttdtktdongnai.edu.vn/>;

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai nằm trong hệ thống Giáo dục Quốc dân thống nhất, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo đúng thể thức đã được quy định.

Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai trực thuộc sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đồng Nai, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng thuộc thành phố Đồng Nai.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trung tâm.

4.1. Sứ mạng

Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai có sứ mạng phát hiện, đánh giá, tư vấn, hỗ trợ can thiệp và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp đối với trẻ em có dấu hiệu khuyết tật, người khuyết tật và học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt; bảo đảm quyền được học tập, được phát triển toàn diện trong môi trường giáo dục bình đẳng, an toàn và thân thiện.

Trung tâm là cầu nối giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc hỗ trợ người học phát huy tối đa khả năng của bản thân; đồng thời góp phần xây dựng nền giáo dục hòa nhập chất lượng, nhân văn và bền vững, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

4.2. Tầm nhìn đến năm 2030

Đến năm 2030, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai phấn đấu trở thành đơn vị chuyên môn tiêu biểu của thành phố trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; là địa chỉ tin cậy của phụ huynh, học sinh và các cơ sở giáo dục; có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ phẩm chất, năng lực và tâm huyết; có môi trường giáo dục hiện đại, thân thiện, từng bước ứng dụng hiệu quả chuyên đổi số trong quản lý và giáo dục.

Trung tâm hướng tới xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập chất lượng cao, bảo đảm mọi trẻ em và học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt đều được tiếp cận giáo dục phù hợp, được tôn trọng sự khác biệt và có cơ hội phát triển toàn diện để hòa nhập cộng đồng.

4.3. Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026–2030

4.3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai phát triển toàn diện về tổ chức bộ máy, đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng chuyên môn và hiệu quả quản lý; nâng cao chất lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập và phát triển của trẻ em, học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt; góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục hòa nhập trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

4.3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về chuyên môn và chất lượng giáo dục

- Nâng cao chất lượng phát hiện sớm, đánh giá, tư vấn và hỗ trợ can thiệp đối với trẻ em và học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt.

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục chuyên biệt và hỗ trợ giáo dục hòa nhập phù hợp với từng đối tượng người học.

- Đảm bảo 100% học sinh đang học tại Trung tâm được xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu cá nhân.

- Tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục trong thực hiện giáo dục hòa nhập trên địa bàn thành phố.

b) Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Xây dựng đội ngũ có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và tinh thần phục vụ cao.

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt và kỹ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật.

- Phấn đấu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng đầy đủ yêu cầu vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.

c) Về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học chức năng, thiết bị hỗ trợ và đồ dùng dạy học chuyên biệt.

- Xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, phù hợp với đặc điểm của người học.

- Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác dạy học, hỗ trợ can thiệp và tổ chức hoạt động giáo dục.

d) Về chuyển đổi số và quản lý điều hành

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và lưu trữ hồ sơ chuyên môn.

- Tăng cường sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý, học bạ số và các nền tảng hỗ trợ chuyên môn.

- Nâng cao hiệu quả quản trị đơn vị theo hướng khoa học, minh bạch, hiện đại.

đ) Về phối hợp và phát triển cộng đồng

- Tăng cường phối hợp giữa Trung tâm với cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan trong công tác giáo dục hòa nhập.

- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền học tập và hòa nhập của người khuyết tật.

- Huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm.

Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 2893/QĐ.UBT ngày 27 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Trung tâm được giao chức năng nuôi dạy trẻ khuyết tật trên địa bàn tỉnh, trước hết là trẻ câm – điếc và trẻ mù (nay là trẻ khiếm thính và trẻ khiếm thị). Từ năm học 1997–1998, Trung tâm chính thức đi vào hoạt động, trở thành cơ sở giáo dục công lập chuyên biệt đầu tiên của địa phương dành cho trẻ khuyết tật.

Theo yêu cầu thực tiễn về chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ngày càng đa dạng, Trung tâm từng bước mở rộng quy mô và loại hình đào tạo. Năm học 2004–2005, được sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai, Trung tâm mở thêm lớp cấp trung học cơ sở hệ bổ túc theo Quyết định số 698/QĐ-SGD&ĐT ngày 23 tháng 11 năm 2007, tạo điều kiện cho học sinh tiếp tục học tập sau bậc tiểu học. Đến năm học 2008–2009, Trung tâm tiếp tục được cho phép mở lớp tổ chức giảng dạy cho học sinh khuyết tật trí tuệ theo Quyết định số 542/QĐ-SGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2008, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong mở rộng đối tượng phục vụ và nâng cao chất lượng giáo dục chuyên biệt.

Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm từng bước chuyển đổi mô hình hoạt động từ Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật sang Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo hướng chuyên sâu hơn về tư vấn, đánh giá, can thiệp, hỗ trợ giáo dục hòa nhập và phát triển toàn diện cho trẻ em khuyết tật (theo Quyết định số

145/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, nay là thành phố Đồng Nai). Việc chuyển đổi mô hình đã tạo điều kiện để Trung tâm mở rộng chức năng, nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Năm học 2025–2026 là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Trung tâm khi lần đầu tiên được Sở Giáo dục và Đào tạo chấp thuận tổ chức giảng dạy lớp 10 và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 theo quy định hiện hành. Đây là bước phát triển mới, đánh dấu việc Trung tâm chính thức mở rộng hoạt động giáo dục lên cấp trung học phổ thông, tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật được tiếp tục học tập, phát triển năng lực và định hướng nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình trung học cơ sở ngay tại Trung tâm.

Từ khi thành lập đến nay, trải qua gần 30 năm xây dựng và phát triển, Trung tâm luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, từng bước khẳng định vai trò là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ trẻ em khuyết tật trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Trung tâm hiện thực hiện nhiệm vụ đối với các dạng khuyết tật gồm: khuyết tật nghe-nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật thân kinh-tâm thần, khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác.

Đến hết năm học 2025–2026, Trung tâm tiếp tục duy trì ổn định các hoạt động chuyên môn, thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học và từng dạng tật; đồng thời chú trọng giáo dục kỹ năng đặc thù như kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng xã hội, kỹ năng giao tiếp, định hướng di chuyển và tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển toàn diện cho học sinh.

Ngoài hoạt động giáo dục trong nhà trường, học sinh của Trung tâm còn tích cực tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động trải nghiệm do ngành giáo dục tổ chức; qua đó góp phần rèn luyện kỹ năng sống, tăng cường giao tiếp và tạo nền tảng hòa nhập cộng đồng.

Trong suốt quá trình hoạt động, Trung tâm đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ trẻ em khuyết tật; đồng thời hỗ trợ học sinh sau khi hoàn thành chương trình học tiếp tục học nghề hoặc tìm kiếm việc làm phù hợp. Nhiều học sinh đã có việc làm ổn định tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai, từng bước tự lập trong cuộc sống, giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Những kết quả đạt được trong chặng đường gần 30 năm qua là nền tảng quan trọng để Trung tâm tiếp tục xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 theo hướng nâng cao chất lượng chuyên môn, mở rộng hiệu quả hỗ trợ giáo dục hòa nhập, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập và phát triển của trẻ em khuyết tật trong giai đoạn mới.

Tổng số học sinh toàn trung tâm cuối năm học 2025 – 2026 là 194 em.

Nội dung	Tiểu học					Trung học cơ sở				THPT	Tổng cộng
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	K9	K10	
Số lớp	3	8	1	1	2	2	1	1	2	1	22
Số học	21	62	8	6	20	19	15	13	21	9	194

sinh										
Tổng số lớp	15				6				1	22
Tổng số học sinh	117				68				09	194

Thành tích Trung tâm đạt được trong những năm qua:

- + Cờ Thi đua của Chính Phủ: năm 2009, năm học 2015-2016
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ: năm 2009, năm 2014
- + Bằng khen của UBND Tỉnh Đồng Nai: các năm học 2008-2009; 2015-2016; 2022-2023.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Lê Thị Nam Nhan

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: số 2521 Nguyễn Ái Quốc, khu phố Bửu Hoà 3, Phường Biên Hoà, Thành phố Đồng Nai

Địa chỉ thư điện tử : ttndtk.namnhan@dongnai.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

Tổng số CB-GV-NV của Trung tâm năm học 2026-2026 là 49 người, trong đó có 02 cán bộ quản lý, 30 giáo viên, 05 nhân viên biên chế và 12 nhân viên hợp đồng theo NĐ111/2022/NĐ-CP.

a) Chi bộ Đảng: có 16 đảng viên, cấp uỷ có 03 đồng chí

- + Bí thư: đ/c Lê Thị Nam Nhan
- + Phó bí thư: đ/c Phạm Thị Bạch Huệ
- + Chi uỷ viên: đ/c Vũ Thị Ngoan

Chi bộ thực hiện chế độ sinh hoạt đảng thường xuyên hàng tháng. Đảng viên tích cực học tập các Nghị quyết của đảng, pháp luật của Nhà nước và trau dồi chuyên môn nghiệp vụ.

b) Ban Giám đốc: có 02 đồng chí

+ Giám đốc – Phụ trách chung và phụ trách chuyên môn cấp tiểu học: Bà Lê Thị Nam Nhan

+ Phó Giám đốc - Phụ trách chuyên môn cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: Bà Phạm Thị Bạch Huệ

c) Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh

Tổng Phụ Trách Đội: Bà Bùi Thị Ngọc Thảo

d) Tổ Văn phòng: có 05 nhân viên biên chế và 12 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP

+ Nhân viên Thư viện: Bà Đinh Lê Anh Ngân

+ Nhân viên Thủ quỹ kiêm văn thư: Bà Nguyễn Thanh Phương Mai

	viện													
8	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
9	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Giám đốc và Phó Giám đốc tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt tỉ lệ 100%

Giáo viên: 28 giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $28/30 = 93.33\%$; 02 giáo viên đạt loại khá, đạt tỉ lệ $02/30 = 6.67\%$

3. Kết quả đánh giá viên chức cuối năm học

Viên chức, NLD	Tổng số người	HT xuất sắc	HT tốt	HT	Không HT
CBQL	02	0	02 – 100%	0	0
Giáo viên	30	07 – 23.3%	23 – 76.7%	0	0
Nhân viên	05	01 – 20%	04 – 80%	0	0
Hợp đồng	11	01 – 9.1%	09 – 81.8%	0	01 – 9.1%
Tổng cộng	48	09 – 18.8%	38 – 79.1%	0	01 – 2.1%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

- + Diện tích đất: 11.169 m², đạt tỷ lệ 59,4 m²/ học sinh
- + Tổng số phòng học (tính theo thiết kế ban đầu về phòng học văn hóa): 12 phòng; diện tích phòng học (m²): 30 m²/phòng;
- + Các phòng học bộ môn (tính theo thiết kế ban đầu): 01 phòng, trong đó:
 - Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng, diện tích: 36 m², tổng số máy: 17 máy
- + Khối phòng hỗ trợ học tập
 - Thư viện: 0 phòng
 - Thiết bị giáo dục: 0 phòng
 - Tư vấn học đường: 0 phòng
 - Đoàn, Đội: 01 phòng; diện tích (m²): 21 m² ;
 - Truyền thống: 01 phòng; diện tích: 45 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 13.
- + Khối phụ trợ
 - Phòng họp: 0 phòng
 - Phòng y tế: 0 phòng
 - Phòng các tổ chuyên môn: 02 phòng; diện tích: 15 m²/phòng;
 - Nhà đa năng: 01 nhà; diện tích: 144 m²;
 - Phòng thính học: 01 phòng; diện tích: 30 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 14.

Nhà ở nội trú học sinh: 10 phòng; diện tích: 80 m²/phòng; đã sử dụng 5 nhà ở cho học sinh nội trú; 1 nhà ở cho học sinh bán trú; 1 nhà dùng làm văn phòng và phòng tin học cho học sinh khiếm thị có 5 máy tính; 1 nhà dùng làm thư viện; 2 nhà ở làm 4 phòng học thứ 15,16,17,18.

Nhà ăn: 01 nhà; diện tích: 170 m²;

Nhà hành chính: 01 nhà; diện tích: 120 m²;

Nhà lớp học CPTTT (MTQ ủng hộ): 01 nhà; diện tích: 67 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 19.

Nhà học nghề massage (MTQ ủng hộ): 01 nhà; diện tích: 155 m²; đã sử dụng làm nhà ở cho học sinh bán trú, trong đó 1 phòng dùng làm kho chứa gạo, mì gói MTQ ủng hộ;

+ Khôi dạy nghề:

Phòng học may mặc: 01 phòng; diện tích: 40 m²; không sử dụng

Phòng học thêu: 01 phòng; diện tích: 43 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 20.

Phòng học đan lát: 01 phòng; diện tích: 65 m²; ngăn vách thành 2 phòng (1 phòng dùng làm phòng Y tế, 1 phòng dùng để đồ văn nghệ của học sinh)

Phòng học đồ mộc: 01 phòng; diện tích: 70 m²; đã sử dụng làm phòng họp hội đồng sư phạm.

+ Tổng số thiết bị dùng chung khác: Ti vi: 28 cái; Máy chiếu: 07 cái; Bảng tương tác: 01 cái; Máy in: 02 cái.

+ Ngoài ra, còn có các công trình khác như Tường rào xây xung quanh Trung tâm; Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Nguồn điện riêng; Kết nối internet phủ khắp Trung tâm; Trang thông tin điện tử (website) của Trung tâm.

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt:

2.1. Sách giáo khoa lớp 5

TT	Môn	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5 Tập 1; Tập 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5 Tập 1; Tập 2	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học 5	Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lý 5	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Bằng, Trần Thị Ngọc Hân, Trần Văn Nhân, Nguyễn Chí Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5	Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dur, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 5 (Bản 1)	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 5	Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 5	Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 5 (Bản 1)	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

TT	Môn	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
			biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nam
10	Tin học 5	Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 5	Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.2. Sách giáo khoa lớp 9

TT	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 9, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung; Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Viết Ngọc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phương, Hồ Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
3	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Toán 9, tập một (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiến, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 9 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 9 (Chân trời sáng tạo)	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Cổ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn Phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thoả, Nguyễn Thanh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trung tâm không thuộc đối tượng áp dụng tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh năm học 2026 – 2027:

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Đảm bảo công khai về chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

* Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2026 – 2027

Số lượng tuyển sinh được phê duyệt theo Quyết định số 211/QĐ-SGDĐT cho năm học 2026-2027 là 62 học sinh, trong đó lớp 1: 30 học sinh (03 lớp), lớp 6: 20 học sinh (02 lớp), lớp 10: 12 học sinh (01 lớp).

* Dự kiến năm học 2026-2027, gồm có 23 lớp – 213 học sinh, cụ thể:

Nội dung	Tiểu học					Trung học cơ sở				THPT		Tổng cộng
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	K9	K10	K11	
Số lớp	3	3	7	1	1	2	2	1	1	1	1	23
Số học sinh	30	26	56	7	6	20	19	15	13	12	9	213
Tổng số lớp	15					6				2		23
Tổng số học sinh	125					67				21		213

* Phương thức, thời gian, đối tượng, độ tuổi tuyển sinh

- Thực hiện phương thức xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 01/06/2026 đến hết ngày 20/07/2026.
- Đối tượng dự tuyển là công dân Việt Nam thuộc các dạng khuyết tật như: khuyết tật nghe - nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật thần kinh - tâm thần, khuyết tật trí tuệ và các dạng khuyết tật khác; có giấy xác nhận khuyết tật từ mức độ nhẹ trở lên theo quy định.

- Độ tuổi dự tuyển mới được xác định theo năm sinh trên giấy khai sinh, cụ thể: lớp 1 (Tiểu học) từ 6 đến 11 tuổi; lớp 6 (THCS) từ 11 đến 16 tuổi; lớp 10 (THPT) từ 14 đến 19 tuổi. Trường hợp người học xin vào học ở các cấp học có độ tuổi cao hơn quy định nêu trên, Hội đồng tuyển sinh báo cáo, xin ý kiến và trình Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

* **Yêu cầu sức khỏe:** Có đủ sức khỏe cơ bản để tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt tại Trung tâm. Học sinh diện nội trú phải có khả năng tự phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân cơ bản và khoảng cách từ nhà đến Trung tâm từ 15 km trở lên.

* **Địa bàn tuyển sinh:** Ưu tiên học sinh có địa chỉ thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn các phường, xã thuộc thành phố Đồng Nai. Trường hợp số lượng hồ

sơ thuộc địa bàn thành phố Đồng Nai không đủ chỉ tiêu được giao, Trung tâm sẽ tiến hành xét tuyển mở rộng cho các đối tượng học sinh khuyết tật thuộc các tỉnh, thành phố khác.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2025-2026

2.1. Cấp Tiểu học

2.1.1. Về năng lực

Khối	Sĩ số/nữ	TỐT			ĐẠT			CẦN CỐ GẮNG		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
Khối 1	21/7	7/5	33.3	2/2	14/2	66.7	0	0	0	0
Khối 2	62/23	17/7	27.4	1/0	39/12	62.9	5/1	6/3	9.7	1/0
Khối 3	8/3	4/1	50.0	0	4/2	50.0	0	0	0	0
Khối 4	6/2	2/1	33.3	0	4/1	66.7	0	0	0	0
Khối 5	20/8	4/0	20.0	1/0	16/8	80.0	1/1	0	0	0
TỔNG	117/43	34/14	29.1	4/2	77/25	65.8	6/2	6/3	5.1	1/0

2.1.2. Về phẩm chất

Khối	Sĩ số/nữ	TỐT			ĐẠT			CẦN CỐ GẮNG		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
Khối 1	21/7	12/6	57.1	2/2	9/1	42.9	0	0	0	0
Khối 2	62/23	24/10	38.7	2/0	38/13	61.3	5/1	0	0	0
Khối 3	8/3	4/1	50.0	0	4/2	50.0	0	0	0	0
Khối 4	6/2	4/2	66.7	0	2/0	33.3	0	0	0	0
Khối 5	20/8	19/7	95.0	2/1	1/1	5.0	0	0	0	0
TỔNG	117/43	63/26	53.8	6/3	54/17	46.2	5/1	0	0	0

2.1.3. Xếp lại chung 3 mặt giáo dục

Khối	Sĩ số/nữ	HTXS	HTT	HT	CHT

2.3. Cấp Trung học phổ thông

2.3.1. Kết quả học tập

Lớp	Số số/ nữ	TỐT			KHÁ			ĐẠT			CHƯA ĐẠT		
		SL/ nữ	%	DT/ nữ	SL/ nữ	%	DT/ nữ	SL/ nữ	%	DT/ nữ	SL/ nữ	%	DT/ nữ
Khối 10	9/5	4/1	44.44	0	3/3	33.33	0	2/1	22.22	0	0	0	0
Tổng	9/5	4/1	44.44	0	3/3	33.33	0	2/1	22.22	0	0	0	0

2.3.2. Kết quả rèn luyện

Lớp	Số số/ nữ	TỐT			KHÁ			ĐẠT			CHƯA ĐẠT		
		SL/ nữ	%	DT/ nữ	SL/ nữ	%	DT/ nữ	SL/ nữ	%	DT/ nữ	SL/ nữ	%	DT/ nữ
Khối 10	9/5	9/5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	9/5	9/5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.3. Kết quả hoàn thành chương trình lớp học toàn trung tâm

Khối	Số số/nữ	HTCT			Chưa HTCT		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
Khối 1	21/7	19/6	90.5	3/2	2/1	9.5	0
Khối 2	62/23	55/19	88.7	7/2	7/4	11.3	0
Khối 3	8/3	7/2	87.5	0	1/1	12,5	0
Khối 4	6/2	6/2	0	0	0	0	0
Khối 5	20/8	20/8	100	2/1	0	0	0
TỔNG TH	117/43	107/37	91.4	12/5	10/6	8.6	0
Khối 6	19/8	19/8	100	0	0	0	0
Khối 7	15/9	15/9	100	0	0	0	0
Khối 8	13/7	13/7	100	0	0	0	0
Khối 9	21/7	21/7	100	3/1	0	0	0

TỔNG THCS	68/31	68/31	100	3/1	0	0	0
Khối 10 - THPT	9/5	9/5	100	0	0	0	0
TỔNG CỘNG	194/79	184/73	94.8	15/6	10/6	5.2	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2025

Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Nai

Chương: 422

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 26/QĐ-TTGDHN ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc TT HTPTGDHN)

Số TT Mã số	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
II	Phần chi	16.932.341.434	14.687.069.129		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	12.279.822.434	12.018.388.055	98%	
6001	Lương theo ngạch, bậc		3.997.767.150		
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		739.117.239		
6101	Phụ cấp chức vụ		54.522.000		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		830.543.100		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		1.404.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		2.583.280.440		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		289.224.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		540.568.080		
6201	Thưởng thường xuyên		72.774.000		
6299	Chi khác		67.400.000		
6301	Bảo hiểm xã hội		803.749.800		
6302	Bảo hiểm y tế		137.785.600		
6303	Kinh phí công đoàn		38.078.000		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		45.928.700		
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		890.240.000		

6449	Chi khác		48.223.000		
6501	Tiền điện		143.821.494		
6502	Tiền nước		4.315.375		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường		36.636.600		
6551	Văn phòng phẩm		12.313.786		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		18.048.060		
6553	Khoán văn phòng phẩm		6.000.000		
6599	Vật tư văn phòng khác		62.726.844		
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		296.989		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		11.990.647		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện		4.553.400		
6618	Khoán điện thoại		2.400.000		
6649	Khác		1.650.000		
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe		21.686.500		
6702	Phụ cấp công tác phí		8.600.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ		9.482.800		
6704	Khoán công tác phí		12.000.000		
6751	Thuê phương tiện vận chuyển		10.344.000		
6754	Thuê thiết bị các loại		18.824.141		
6757	Thuê lao động trong nước		35.320.000		
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ		3.500.000		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		21.948.000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng		3.348.000		
6921	Đường điện, cấp thoát nước		14.823.000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		33.059.906		
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin		1.830.000		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		55.112.015		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động		5.144.100		
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		3.140.920		
7049	Chi khác		250.366.300		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		1.784.100		
7761	Chi tiếp khách		3.999.976		
7799	Chi các khoản khác		53.099.993		
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy		5.616.000		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	4.253.119.000	2.280.897.660	54%	
6151	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)		59.904.000		

6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		176.250.000		
6449	Chi khác		704.040.000		
6503	Tiền nhiên liệu		56.787.000		
7049	Chi khác		1.240.641.660		
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		43.275.000		
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 18)	399.400.000	387.783.414	97%	
6249	Thưởng khác		387.783.414		

2. Công khai công bố dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2026

Đơn vị: **TT HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP**

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-TTKT ngày 02/03/2026 của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (đã trừ tiết kiệm chi)
I	Dự toán thu ngân sách	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.365.450.000
	Chi sự nghiệp giáo dục	17.365.450.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (Biên chế)	13.760.000.000
	Chương 422 Loại 070 Khoản 072	12.110.000.000
	* Chi con người	8.762.000.000
	* Chi hoạt động	3.348.000.000
	* Biên chế chưa tuyển	1.650.000.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.605.450.000
	Chương 422 Loại 070 Khoản 072	3.605.450.000
	Các nhiệm vụ:	

		3.605.450.000
	- Kinh phí chi theo chế độ, chính sách của Trung tâm	2.683.000.000
	- Kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm theo NĐ 61/2006	83.700.000
	- Kinh phí cấp bù học phí năm học 2025-2026	130.950.000
	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025	274.100.000
	- Kinh phí hỗ trợ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập năm học 2025-2026 theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	33.700.000
	- Quỹ khen thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP	400.000.000

Bảng chữ: Mười bảy tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn.

2.2. Dự kiến các khoản đóng góp phục vụ học sinh năm học 2026-2027

2.2.1. Các khoản thu theo quy định:

- Thu học phí: Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Theo khoản 2, điều 15 thì học sinh khuyết tật thuộc đối tượng được miễn học phí

- BHYT: Căn cứ Nghị định số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh v/v hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, học sinh học tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế

2.2.2. Các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện:

- Quỹ hội phụ huynh học sinh: Theo tự nguyện của PHHS
 - Thu hộ, chi hộ phụ huynh: Tiền ăn đối với học sinh khuyết tật ở tỉnh/thành phố khác.

2.3. Quyền lợi của học sinh

2.3.1. Đối với học sinh có địa chỉ thường trú/tạm trú tại TP. Đồng Nai:

- Miễn 100% học phí.
 - Chế độ tiền ăn thực hiện theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 05/05/2016 của UBND (trước đây) về việc ban hành Quy định nội dung chi và mức chi đặc thù của ngành Giáo dục trên địa bàn.

- Hưởng các khoản phụ cấp và chế độ ưu đãi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

- Được đăng ký ở nội trú, nếu người học có đủ sức khỏe, có khả năng tự phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân và cách trung tâm 15 km trở lên.

2.3.2. Đối với học sinh ở tỉnh/thành phố khác:

- Miễn 100% học phí.

- Hưởng các khoản phụ cấp và chế độ ưu đãi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

- Được đăng ký ở nội trú, nếu người học có đủ sức khỏe, có khả năng tự phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn

Trung tâm đã ban hành đầy đủ các kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đặc thù giáo dục chuyên biệt; tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm đúng quy định.

+ Kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026, số 58/KHH-TTHTGDHN ngày 5 tháng 9 năm 2025.

+ Kế hoạch hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026, số 60/HD-TTHTGDHN ngày 08 tháng 9 năm 2025.

+ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp Tiểu học năm học 2025- 2026, số số 66/HD-TTHTGDHN ngày 10 tháng 9 năm 2025.

+ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đối với cấp THCS, THPT số 139/KH-TTGDHN ngày 17/11/ 2025.

+ Kế hoạch thực hiện giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật; hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm học 2025- 2026, số 74/KH-TTGDHN ngày 15 tháng 9 năm 2025.

Ban Giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thường xuyên kiểm tra, dự giờ, theo dõi việc thực hiện kế hoạch dạy học, hồ sơ chuyên môn và việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên.

Các tổ chuyên môn duy trì sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng; triển khai thực hiện đầy đủ hồ sơ chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, kế hoạch bài dạy và thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, đánh giá học sinh theo quy định.

2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Đối với cấp Tiểu học

Trung tâm tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học theo định hướng giáo dục chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật. Các tổ chuyên môn chủ động điều chỉnh nội dung dạy học, phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với khả năng tiếp thu và đặc điểm của từng nhóm học sinh.

Bảo đảm duy trì 100% số lớp học, số học sinh Tiểu học được học 2 buổi/ngày, 9 đến 10 buổi/tuần tùy theo lớp và không có ngày nào xếp thời khóa biểu vượt quá 7 tiết.

Trung tâm, là cơ sở giáo dục chuyên biệt nên các em học sinh 100% ở lại bán trú hoặc nội trú. Trung tâm có 01 bếp ăn tập thể có đủ nhân sự nấu ăn theo quy định. Hằng ngày, bộ phận cấp dưỡng phối hợp với y tế lên thực đơn, đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh, tổ chức kiểm định, lưu trữ thức ăn theo quy định.

Ban Giám đốc Trung tâm đã triển khai Khung năng lực số dành cho học sinh tiểu học. Tuy nhiên, do đối tượng học sinh là học sinh khuyết tật nặng, vừa và đa tật nên trong năm học 2025- 2026, tổ tiểu học mới triển khai thí điểm ở một vài lớp (lớp 4, lớp 5/1) dạy học sinh khiếm thính.

100% các lớp ở tiểu học tổ chức dạy học STEM. Trong năm học mỗi giáo viên đăng ký ít nhất 02 tiết dạy STEM cho đồng dự giờ, chia sẻ kinh nghiệm. Cuối năm học tổ tiểu học đã tổ chức thành công ngày hội STEM dành cho học sinh Tiểu học.

Trong năm học, tổ tiểu học đã xây dựng Chuyên đề “Lồng ghép giáo dục Quốc phòng và An ninh trong dạy học các môn học ở tiểu học”. Đa số các giáo viên đều tích cực đăng ký tham gia lên tiết thực nghiệm tại lớp mình đang dạy. Tuy còn nhiều khó khăn trong việc giúp học sinh khuyết tật đặc biệt là học sinh đa tật, học sinh khuyết tật nặng hiểu được những nội dung liên quan đến Quốc phòng An ninh nhưng đến cuối năm học, nhiều tiết dạy thực nghiệm được đánh giá là lựa chọn nội dung lồng ghép phù hợp với khả năng học sinh trong lớp. Điều đó cho thấy sự nỗ lực trong điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp tiếp cận của đội ngũ giáo viên là rất lớn.

Giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng trực quan, tranh ảnh, học liệu số, ngôn ngữ ký hiệu và các phương pháp hỗ trợ cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận kiến thức cho học sinh. Công tác xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân được thực hiện nghiêm túc đối với học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt.

Bên cạnh các môn học văn hóa, Trung tâm chú trọng giáo dục kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hòa nhập và phát triển vận động cho học sinh tiểu học khuyết tật nhằm giúp học sinh hình thành các năng lực cơ bản trong học tập và cuộc sống.

b) Đối với cấp trung học cơ sở

Trung tâm tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đồng thời điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật.

Các tổ chuyên môn thực hiện rà soát, điều chỉnh phân phối chương trình; xây dựng kế hoạch giáo dục môn học phù hợp với điều kiện thực tế của Trung tâm. Giáo viên chủ động đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh; tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan, học liệu số, công nghệ thông tin và ngôn ngữ ký hiệu trong quá trình giảng dạy.

100% các lớp được học 2 buổi/ngày, 7 đến 8 buổi trên tuần tùy lớp.

c) Đối với cấp trung học phổ thông

Năm học 2025–2026, Trung tâm lần đầu tiên tổ chức dạy học lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Do lớp 10 được khai giảng vào ngày 20/10/2025 nên Trung tâm đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy bù chương trình, bố trí thời khóa biểu linh hoạt và huy động đội ngũ giáo viên thỉnh giảng để bảo đảm tiến độ thực hiện chương trình học kỳ I và cả năm học.

Mặc dù còn nhiều khó khăn về đội ngũ và cơ sở vật chất, nhưng Trung tâm đã từng bước ổn định hoạt động dạy học cấp THPT, tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật được tiếp tục học tập sau khi hoàn thành chương trình THCS.

3. Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh

Trung tâm thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 đối với học sinh Tiểu học; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 đối với học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Việc đánh giá học sinh được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng dạng tật, chú trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh. Sự kết hợp hài hòa giữa đánh giá thường xuyên (nhận xét, quá trình, sản phẩm học tập) và đánh giá định kỳ.

Giáo viên thực hiện đầy đủ việc xây dựng ma trận đề, bản đặc tả, đề kiểm tra định kỳ đúng quy định; nội dung kiểm tra phù hợp với chương trình học và khả năng của học sinh khuyết tật. Đề thi đã giảm tải học vẹt, tăng cường các câu hỏi vận dụng thực tiễn để đánh giá đúng năng lực học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; phát huy tối đa vai trò của các tổ chuyên môn trong việc tự chủ kế hoạch dạy học.

4. Công tác chuyển đổi số và ứng dụng CNTT

Trong năm học 2025–2026, Trung tâm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và dạy học theo định hướng của ngành giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và đặc thù học sinh khuyết tật.

a) Công tác quản lý, điều hành

Trung tâm triển khai sử dụng đồng bộ các phần mềm quản lý ngành như cơ sở dữ liệu ngành, VNEDU, hệ thống quản lý cán bộ công chức viên chức, chữ ký số VNPT-CA và các phần mềm phục vụ công tác quản lý chuyên môn.

Thực hiện cập nhật đầy đủ dữ liệu học sinh, giáo viên trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; thực hiện xác thực và đồng bộ số định danh cá nhân với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

100% cán bộ quản lý, giáo viên được cấp và sử dụng chữ ký số phục vụ công tác chuyên môn và hành chính.

Việc sử dụng văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được duy trì, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Toàn thể viên chức và người lao động thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân trên phần mềm quản lý CBCCVC tại địa chỉ <https://dongnai.vnerp.vn> theo quy định.

b) Ứng dụng CNTT trong dạy học

100% lớp học được trang bị tivi và kết nối Internet phục vụ việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Giáo viên thực hiện lịch báo giảng, kế hoạch dạy học, nhập điểm và theo dõi học sinh trên phần mềm VNEDU đúng thời gian quy định.

Giáo viên tích cực sử dụng bài giảng điện tử, học liệu số, video minh họa, phần mềm hỗ trợ học tập và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Nhân viên CNTT thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị điện tử tại lớp học nhằm bảo đảm điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Trung tâm tổ chức tập huấn chuyên đề “Ứng dụng AI trong giảng dạy” cho toàn thể giáo viên; đồng thời cử giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp tổ chức.

Giáo viên tích cực khai thác học liệu điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin và ngôn ngữ ký hiệu trong quá trình dạy học nhằm hỗ trợ học sinh khuyết tật tiếp cận kiến thức hiệu quả hơn.

c) Kết quả thực hiện chuyển đổi số

Trong năm học, Trung tâm từng bước nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý chuyên môn. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có

ý thức tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin, tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Tuy nhiên, việc triển khai chuyển đổi số trong dạy học còn gặp nhiều khó khăn do đặc thù học sinh khuyết tật, nhất là học sinh khiếm thính, khuyết tật trí tuệ và học sinh có khả năng tiếp cận công nghệ hạn chế. Một số tiêu chí về dạy học trực tuyến và học liệu số chưa thể triển khai đồng bộ như ở các cơ sở giáo dục phổ thông thông thường.

Trung tâm đã hoàn thành triển khai học bạ số, đạt tỷ lệ **100%** học sinh ở tất cả các khối lớp được cập nhật và số hóa dữ liệu đúng tiến độ.

5. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn

Trong năm học, cán bộ quản lý và giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức như:

- Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học.
- Tập huấn giáo dục STEM.
- Tập huấn giáo dục học sinh khuyết tật.
- Bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng chuyển đổi số.

Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các chuyên đề nội bộ nhằm chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy học sinh khuyết tật, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học.

6. Công tác giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm và phong trào

Trung tâm tổ chức nhiều hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm và phong trào thi đua dành cho học sinh như:

- Tổ chức các hoạt động Trung thu cho học sinh.
- Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.
- Tổ chức các hội thi vẽ tranh, làm báo tường, làm video, kể chuyện, hát và trò chơi dân gian phù hợp với từng dạng tật.
- Tổ chức lớp học STEM kết hợp SEL cho học sinh THCS và THPT phối hợp với Tổ chức Kidspire Việt Nam.
- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống, kỹ năng sống và hoạt động cộng đồng.

Các hoạt động trên góp phần tạo môi trường học tập thân thiện, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xã hội và nâng cao sự tự tin cho học sinh khuyết tật.

7. Công tác cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Trung tâm thường xuyên rà soát, sửa chữa và bổ sung cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

Trong năm học:

- Các phòng học được sắp xếp, sửa chữa và trang bị đầy đủ thiết bị cơ bản.
- Công ty BOSCH hỗ trợ trang thiết bị cho một phòng học.
- Tổ chức LDSC/Hoa Kỳ tài trợ 12 tivi phục vụ dạy học.
- Nhân viên CNTT thường xuyên kiểm tra, sửa chữa thiết bị điện tử nhằm bảo đảm việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ chuyên biệt cho học sinh khuyết tật vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế.

8. Công tác thư viện và phát triển văn hóa đọc

Trung tâm tiếp tục duy trì hoạt động thư viện và từng bước sắp xếp lại hệ thống sách, học liệu phục vụ giáo viên và học sinh. Mặc dù còn khó khăn về cơ sở vật chất (thư viện chưa đạt chuẩn) nhưng đơn vị đã cố gắng duy trì hoạt động đọc sách, khai thác học liệu và phát triển văn hóa đọc trong học sinh.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thành phố Đồng Nai, Trung tâm công khai đến lãnh đạo, cha mẹ học sinh, đội ngũ CB-GV-NV Trung tâm để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ Trung tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2026-2027./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (b/c);
- Trang TTĐT (ck);
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Nam Nhạn